

**ĐIỂM BÀI THU HOẠCH**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 04 (huyện Hạ Lang)

Môn: Phần D.II - Kỹ năng lãnh đạo, quản lý

Ngày thi: 17/7/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Thắm Thị Bạch	8,00	Tám	41	Triệu Thúy Mơ	7,50	Bảy phẩy năm
2	Triệu Thị Chiêm	7,50	Bảy phẩy năm	42	Hoàng Thị My	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Nông Thị Chinh	7,50	Bảy phẩy năm	43	Nông Văn Nam	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Triệu Thị Chủ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	44	Nông Thị Hoàng Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Nông Thị Chuyên		<b>Chuyển lớp</b>	45	Lã Thị Nga	7,50	Bảy phẩy năm
6	Đàm Bích Diệp	8,00	Tám	46	Đường Văn Ngọc	8,00	Tám
7	Phạm Thị Dịu	8,00	Tám	47	Phùng Ánh Nguyệt	7,00	Bảy
8	Thắm Thị Duyên	8,00	Tám	48	Mã Lý Nhung	8,00	Tám
9	Hoàng Thị Định	7,00	Bảy	49	Trần Thị Phương	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Bé Thị Đoan	7,00	Bảy	50	Phạm Thị Phụng	7,50	Bảy phẩy năm
11	Nông Thị Hồng Gấm	8,00	Tám	51	Nông Thị Quy	7,50	Bảy phẩy năm
12	Phùng Thị Thu Hằng	7,25	Bảy phẩy hai năm	52	Nông Thị Riên	8,00	Tám
13	Hoàng Văn Hành	8,00	Tám	53	Nông Văn Siên	7,25	Bảy phẩy hai năm
14	Hoàng Minh Hậu	7,50	Bảy phẩy năm	54	Hoàng Thị Tâm	7,00	Bảy
15	Nông Thị Hiền	7,00	Bảy	55	Nông Thị Thạch	8,00	Tám
16	Đàm Văn Hiệp	7,00	Bảy	56	Đình Viêt Thiện	7,50	Bảy phẩy năm
17	Hoàng Thị Hoa	6,50	Sáu phẩy năm	57	Mã Thị Thiệp	7,00	Bảy
18	Phan Triệu Học	7,75	Bảy phẩy bảy năm	58	Nông Thị Thoa	8,00	Tám
19	Nông Thị Hồng	8,00	Tám	59	Bé Văn Thoại	8,00	Tám
20	Nông Thị Hợp	8,00	Tám	60	Nông Thị Thu	7,25	Bảy phẩy hai năm
21	Nông Văn Huân	7,75	Bảy phẩy bảy năm	61	Nông Ngọc Thụ	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Triệu Bích Huệ	7,00	Bảy	62	Mã Thị Thương	7,75	Bảy phẩy bảy năm

DHL

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Nông Thế Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	63	Hà Văn Thượng	8,00	Tám
24	Nông Thanh Hùng	8,00	Tám	64	Mã Thị Thùy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
25	Đàm Thị Hường	7,00	Bảy	65	Nông Linh Thùy	8,00	Tám
26	Hoàng Thị Bích Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	66	Lương Thị Thùy	8,00	Tám
27	Hoàng Thị Thu Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	67	Hoàng Văn Tú	8,00	Tám
28	Đường Thị Kết	7,25	Bảy phẩy hai năm	68	Hoàng Thị Bích Từ	7,25	Bảy phẩy hai năm
29	Lương Thị Vân Khánh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	69	Bạch Văn Tùng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Lương Thị Hồng Lê	8,00	Tám	70	Phạm Thị Tươi	7,25	Bảy phẩy hai năm
31	Lương Thị Liễu	8,00	Tám	71	Triệu Thị Tuyên	8,00	Tám
32	Nông Thị Linh	8,00	Tám	72	Trần Thị Tuyết	7,50	Bảy phẩy năm
33	Hoàng Thị Loan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	73	Bé Thị Ánh Tuyết	8,00	Tám
34	La Thị Loan	8,00	Tám	74	Lộc Thị Vân	6,75	Sáu phẩy bảy năm
35	Nông Thị Thanh Loan	8,00	Tám	75	Lý Thị Vân	7,25	Bảy phẩy hai năm
36	Phạm Minh Loan	8,00	Tám	76	Nông Thị Vân	7,50	Bảy phẩy năm
37	Hà Thị Luyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	77	Lộc Thị Viên	8,00	Tám
38	Nông Thị Luyến	8,00	Tám	78	Chu Văn Xuyên	7,50	Bảy phẩy năm
39	Đàm Thị Mến	7,75	Bảy phẩy bảy năm	79	Hứa Văn Du	6,25	Sáu phẩy hai năm
40	Long Nông Nữ Minh	7,75	Bảy phẩy bảy năm				

Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 6,75: 01 điểm; Điểm 7,00: 09 điểm; Điểm 7,25: 08 điểm; Điểm 7,50: 13 điểm; Điểm 7,75: 16 điểm; Điểm 8,00: 29 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
K/T TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**

*DHho*

*Nông Văn Dũng*



**Đoàn Thị Kim Liên**

**Nông Văn Dũng**

**Trịnh Thị Ánh Hoa**